

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Mãi	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Trương Đình Thục	Thành viên
Ông Dương Thái Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Bá Quyết	Thành viên
Ông Trần Quang Hân	Thành viên - Miễn nhiệm ngày 20/01/2016

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Trương Đình Thục	Tổng Giám đốc - Bổ nhiệm ngày 01/06/2016
Ông Trần Quang Hân	Tổng Giám đốc - Miễn nhiệm ngày 20/01/2016
Ông Trương Đình Thục	Phó Tổng Giám đốc - đến 31/05/2016
Ông Phạm Đăng Bạ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Thái Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Quyết	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng - Miễn nhiệm ngày 04/05/2016
Bà Nguyễn Cẩm Tú	Phụ trách phòng kế toán - Bổ nhiệm ngày 04/05/2016

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Quang Mãi

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 08 năm 2016

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 12/08/2016, từ trang 06 đến trang 40 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kết toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến thuyết minh số 1.3 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Trong giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/06/2016, Lợi nhuận sau thuế để tính thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty không bao gồm kết quả hoạt động từ các Xí nghiệp Nước sạch Trại Cau, Xí nghiệp Nước sạch Đại Từ, Xí nghiệp Nước sạch Võ Nhai, Xí nghiệp Nước sạch Phú Lương và Xí nghiệp Nước sạch Diềm Thụy (Đây là các Xí nghiệp thuộc Công ty được UBND Tỉnh Thái Nguyên giao nhiệm vụ quản lý và điều hành hoạt động theo các Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên). Theo Quyết định số QĐ số 1461/UBND - KTTH ngày 13/06/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị Bộ tài chính phê duyệt chủ trương bù lỗ cho các Xí nghiệp bằng nguồn cổ tức của phần vốn Nhà nước từ năm 2010 đến thời điểm Công ty hoàn thành việc tái cơ cấu doanh nghiệp (dự kiến vào năm 2017). Đến thời điểm phát hành báo cáo soát xét này, chúng tôi chưa thu thập được văn bản chính thức của Bộ Tài chính liên quan đến việc chấp thuận theo đề nghị của UBND tỉnh Thái Nguyên tại Quyết định số 1461/UBND - KTTH.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0798-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30/06/2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		87.966.017.143	85.641.966.861
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	45.083.943.521	25.003.984.890
Tiền	111		4.883.943.521	5.003.984.890
Các khoản tương đương tiền	112		40.200.000.000	20.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	5.000.000.000	25.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.000.000.000	25.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.693.551.309	17.210.551.025
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	17.016.973.579	15.214.036.288
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.025.320.999	217.237.590
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	3.180.428.646	3.281.482.042
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.529.171.915)	(1.529.171.915)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	26.967.020
Hàng tồn kho	140	8	15.819.268.361	15.016.663.585
Hàng tồn kho	141		16.573.751.528	15.771.146.752
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(754.483.167)	(754.483.167)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.369.253.952	3.410.767.361
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	1.369.253.952	880.843.520
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	2.449.813.541
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	-	80.110.300
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		386.039.113.875	400.547.012.591
Tài sản cố định	220		370.254.401.031	384.146.265.502
Tài sản cố định hữu hình	221	9	370.165.968.773	384.047.033.244
- Nguyên giá	222		541.907.493.154	541.255.168.551
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(171.741.524.381)	(157.208.135.307)
Tài sản cố định vô hình	227	10	88.432.258	99.232.258
- Nguyên giá	228		108.000.000	108.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(19.567.742)	(8.767.742)
Tài sản dở dang dài hạn	240		6.514.270.862	6.575.378.369
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	6.514.270.862	6.575.378.369
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	1.589.526.000	-
Đầu tư vào công ty con	251		1.589.526.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		7.680.915.982	9.825.368.720
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	7.680.915.982	9.825.368.720
TỔNG TÀI SẢN	270		474.005.131.018	486.188.979.452

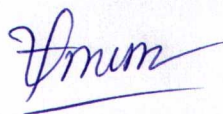
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		226.549.642.992	228.890.525.079
Nợ ngắn hạn	310		78.888.616.630	90.351.007.147
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	16.995.298.898	33.225.638.037
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.228.958.225	969.165.090
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.248.138.251	1.120.128.229
Phải trả người lao động	314		8.715.117.430	10.765.473.241
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	693.217.272	1.124.894.754
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	41.241.398.612	28.646.509.180
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	6.117.829.172	12.235.658.344
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.648.658.770	2.263.540.272
Nợ dài hạn	330		147.661.026.362	138.539.517.932
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		536.846.950	299.072.950
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	147.124.179.412	138.240.444.982
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		247.455.488.026	257.298.454.373
Vốn chủ sở hữu	410	18	247.413.480.426	257.250.446.773
Vốn góp của chủ sở hữu	411		160.000.000.000	160.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		103.367.310.518	101.504.724.320
Quỹ đầu tư phát triển	418		6.561.712.302	2.485.077.338
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(22.515.542.394)	(6.739.354.885)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(23.045.894.743)	(16.122.697.996)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		530.352.349	9.383.343.111
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		42.007.600	48.007.600
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		42.007.600	48.007.600
TỔNG NGUỒN VỐN	440		474.005.131.018	486.188.979.452

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Minh

Phụ trách kế toán



Nguyễn Cẩm Tú

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Quang Mãi

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	70.092.210.848	71.459.210.676
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		70.092.210.848	71.459.210.676
Giá vốn hàng bán	11	20	32.063.618.428	35.938.668.688
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.028.592.420	35.520.541.988
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	1.110.292.728	718.933.452
Chi phí tài chính	22	22	7.032.045.288	4.915.765.064
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.429.333.619	3.820.629.784
Chi phí bán hàng	25	23	24.016.572.309	22.598.861.284
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	6.357.669.480	6.540.788.765
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.732.598.071	2.184.060.327
Thu nhập khác	31	24	40.066.987	9.774.995.708
Chi phí khác	32	25	6.843.530	118.144.253
Lợi nhuận khác	40		33.223.457	9.656.851.455
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.765.821.528	11.840.911.782
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	1.235.469.179	3.532.083.133
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		530.352.349	8.308.828.649
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	240	743

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Minh

Phụ trách kế toán

Nguyễn Cẩm Tú

Chủ tịch HĐQT



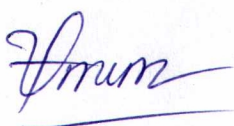
Nguyễn Quang Mai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		74.256.051.935	81.804.820.920
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(19.383.781.417)	(19.230.673.132)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(28.455.228.868)	(29.232.642.551)
Tiền lãi vay đã trả	4		(5.429.333.619)	(3.820.629.784)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(1.191.167.404)	(5.118.852.372)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		1.521.518.693	1.452.929.379
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(9.546.269.694)	(25.469.278.133)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11.771.789.626	385.674.327
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(16.721.585.617)	(15.315.272.239)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	194.828.185
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.000.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		25.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(700.000.000)	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.101.024.566	434.118.943
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.679.438.949	(14.686.325.111)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31		1.862.824.798	947.988.000
Tiền thu từ đi vay	33		8.883.734.430	8.383.639.498
Tiền trả nợ gốc vay	34		(6.117.829.172)	(20.674.708.664)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(6.695.020.217)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		4.628.730.056	(18.038.101.383)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		20.079.958.631	(32.338.752.167)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	25.003.984.890	74.454.943.636
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	45.083.943.521	42.116.191.469

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 08 năm 2016

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Minh

Phụ trách kế toán



Nguyễn Cẩm Tú

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Quang Mãi